

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ sau khi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có những đánh giá lạc quan về triển vọng kinh tế Việt Nam và tự tin với mức tăng trưởng 6% cho năm 2021.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ khi NĐT tỏ ra thận trọng chờ đợi diễn biến bầu cử Mỹ.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

VHM, NLG

[Cập nhật công ty]

MPC

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát, chỉ nâng tỷ trọng nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên.

06/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	938.29	+0.06
VN30	902.91	-0.08
HĐTL VN30F1M	908.30	-0.21
HNXIndex	139.31	+0.73
HNX30	254.52	+0.66
UPCoM	63.57	+0.41
USD/VND	23,177	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.58	+3
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+5
Dầu (WTI, \$)	38.23	-1.44
Vàng (LME, \$)	1,947.22	-0.13



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 938.29 (+0.06%)
KLGD (triệu CP) 268.2 (+4.2%)
GTGD (triệu US\$) 231.3 (-16.0%)

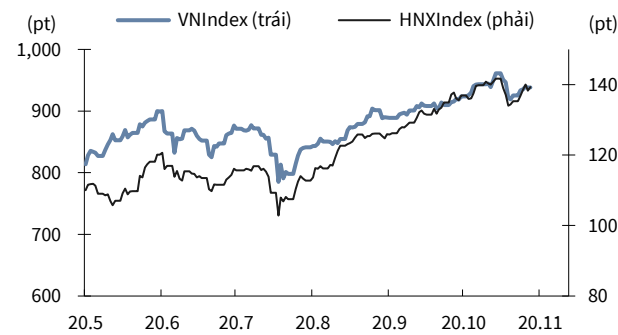
HNXIndex 139.31 (+0.73%)
KLGD (triệu CP) 32.4 (-6.9%)
GTGD (triệu US\$) 16.0 (-22.9%)

UPCoM 63.57 (+0.41%)
KLGD (triệu CP) 17.5 (+17.6%)
GTGD (triệu US\$) 7.4 (+0.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -6.5

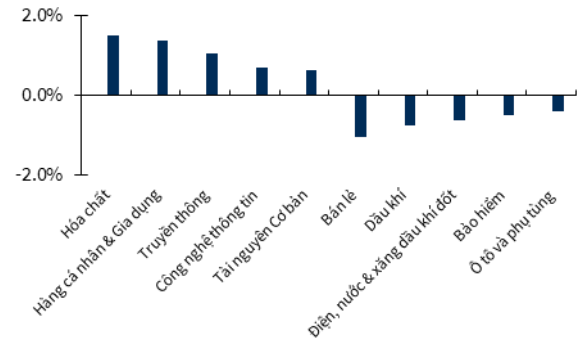
TTCK Việt Nam có phiên tăng điểm nhẹ sau khi Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có những đánh giá lạc quan về triển vọng kinh tế Việt Nam và tự tin với mức tăng trưởng 6% cho năm 2021. Cổ phiếu thép tăng giá ở HPG (+0.5%), HSG (+4%) sau khi Canada kết luận bước đầu về việc không có chứng cứ cho thấy Chính phủ Việt Nam trợ cấp cho các doanh nghiệp tôn mạ nhập khẩu vào nước này. Các doanh nghiệp dệt may xuất khẩu khẩu trang và thiết bị bảo hộ như TCM (+7%), M10 (+0.5%) tăng giá trước bối cảnh tình hình dịch bệnh gia tăng mạnh tại Mỹ và Châu Âu. Cổ phiếu nhóm gỗ tăng giá GDT (+2%), DLG (+1%), sau khi Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho biết 10 tháng đầu năm 2020, giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản ước đạt gần 9 tỷ USD (+12% YoY) bất chấp tác động của dịch Covid-19 và kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng tốt trong 2 tháng cuối năm. Khối ngoại bán ròng ở MSN (+2.3%), VRE (-1.9%), HPG (+0.5%).

VNIndex & HNXIndex



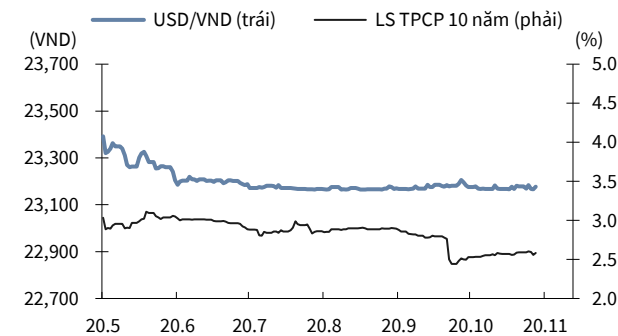
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



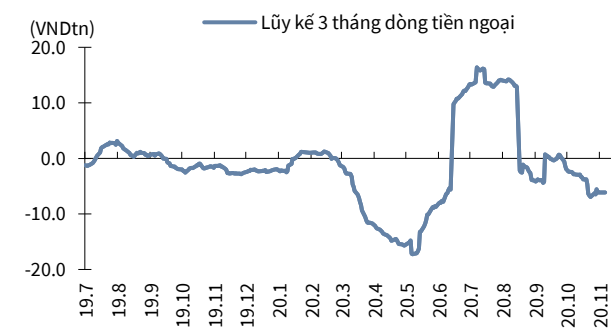
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

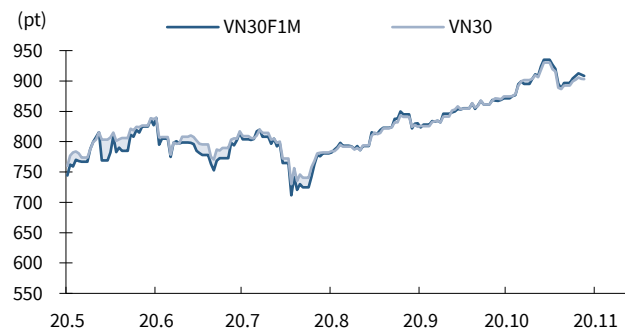
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	902.91 (-0.08%)
VN30F1M	908.3 (-0.21%)
Mở cửa	911.2
Cao nhất	912.8
Thấp nhất	903.2

HĐTL giảm nhẹ khi NĐT tỏ ra thận trọng chờ đợi diễn biến bầu cử Mỹ. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở mức 7.36 và giao động giằng co trong phiên quanh 2.6 và 7.6 trước khi đóng cửa ở ngưỡng 5.39. NĐTNN giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay. Thanh khoản giảm nhẹ và giữ ở mức thấp trong giai đoạn chờ kết quả bầu cử Mỹ.

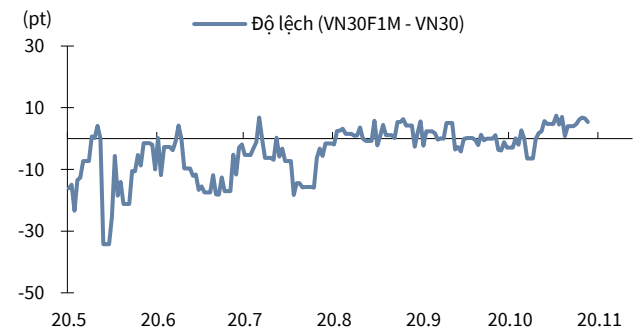
KLGD (HĐ) **112,743 (-14.8%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



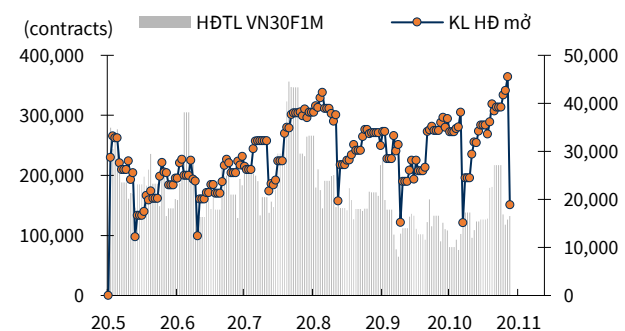
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



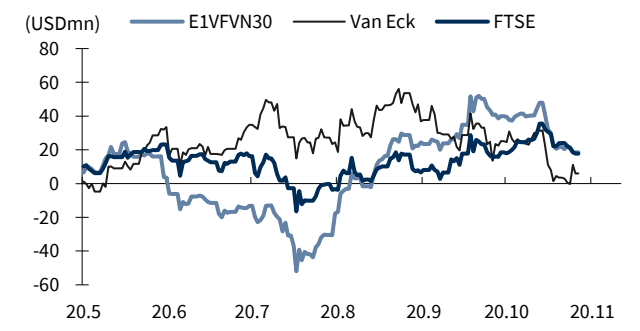
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

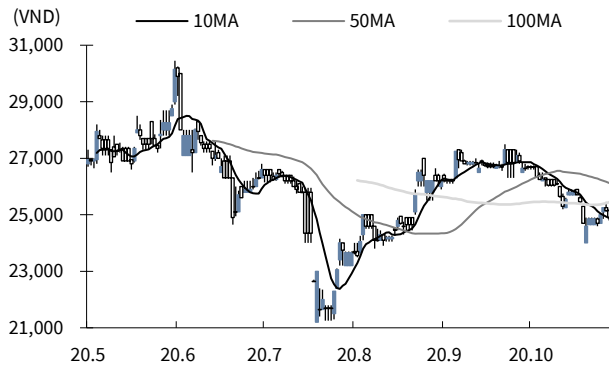
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

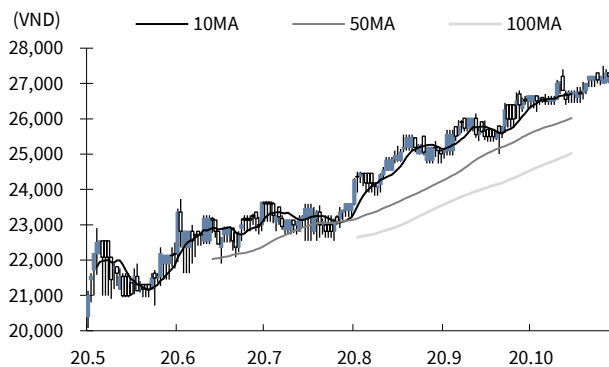
Vietnam Airlines (HAV)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAV giảm -1% xuống 24,900 VNĐ/cp.
- Theo thông tin từ ban lãnh đạo HAVN, doanh nghiệp chưa có khả năng phục hồi đến hết tháng 10/2021 do thị trường quốc tế dự kiến sẽ chưa thể sớm hoạt động trở lại ở trạng thái bình thường, trong khi thị trường nội địa đang cạnh tranh cao khiến giá vé ở mức thấp. Dự kiến năm 2021 HAVN tiếp tục có lợi nhuận âm với mức lỗ tương đương năm 2020.

Nam Long (NLG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NLG giảm -0.4% xuống 27,200 VNĐ/cp.
- Theo ban lãnh đạo công ty, NLG đã hoàn tất thương lượng để thực hiện M&A 2 khu đất tại Quận 9, Thủ Đức, TP HCM với diện tích hơn 100 ha dự kiến triển khai 2020 – 2021, giá trị mỗi dự án dự kiến đạt 2,000 tỷ đồng. Trong năm nay, Nam Long thực hiện chuyển nhượng dự án Đồng Nai Waterfront (170 ha) dự kiến đem về 490 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế. Bên cạnh đó, các dự án với khối lượng lớn như Akari, Mizuki và South Gate cũng đang được thực hiện đúng tiến độ.

Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (MPC)

LN quý 3 thấp hơn dự phóng do biên lãi gộp ít cải thiện

Lợi nhuận quý 3 thấp hơn dự phóng do biên lãi gộp cải thiện không đáng kể

— LNST hợp nhất quý 3 đạt 241 tỷ VND, duy trì tăng trưởng dương 4.6% so với cùng kỳ năm trước, với doanh thu quý 3 giảm 15.6% YoY xuống còn 4,402 tỷ VND. Biên lãi gộp quý 3 mặc dù có cải thiện nhưng thấp hơn so với mức chúng tôi ước tính 15.8%, dẫn đến LNST thấp hơn 33% so với dự phóng của chúng tôi. Các khoản tạm nộp thuế chống bán phá giá khiến biên lãi gộp quý 3 chỉ đạt 12.1%, dù có cải thiện so với mức 11.6% cùng kỳ năm trước. Trước đó, ban lãnh đạo kỳ vọng biên lợi nhuận gộp sẽ được cải thiện đáng kể trong năm 2020 do MPC mua được tôm nguyên liệu giá thấp hơn 10-15% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng của đại dịch và đồng thời kỳ vọng sẽ thắng vụ kiện bán phá giá. Tuy vậy, kết quả vụ kiện bất lợi đã khiến lợi nhuận gộp quý 3 giảm 12.1% YoY và chỉ đạt 532 tỷ VND.

Còn sớm để quay lại tăng vị thế, duy trì khuyến nghị **NĂM GIỮ** đối với cổ phiếu MPC

— Chúng tôi tiếp tục khuyến nghị nhà đầu tư chốt lời đối với MPC trong ngắn hạn và có thể tạm thời chuyển vị thế sang CTCP Vĩnh Hoàn (VHC, MUA, giá MT 47,100) trong thời gian chờ đợi kết quả vụ kiện bán phá giá phản ánh vào xuất khẩu tôm của MPC sang Mỹ. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang Mỹ duy trì tăng trưởng dương từ đầu năm đến nay với giá trị xuất khẩu 9 tháng đầu năm đạt 634 triệu USD (+33.0% YoY). Tuy vậy, vụ kiện thuế chống bán phá giá đã ảnh hưởng khá xấu đến kết quả kinh doanh của MPC trong năm nay. MPC không chấp nhận kết luận của Cục Hải quan và Biên phòng Hoa Kỳ và sẽ kháng nghị quyết định này lên tòa án cao hơn, và sẽ được xem xét trong vòng 60 ngày kể từ khi nhận được đơn kháng nghị.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex điều chỉnh giảm co trong biên độ hẹp trong suốt phiên hôm nay tạo thành mẫu nến doji trung tính.
- Trạng thái kỹ thuật không có nhiều thay đổi và chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ tạm thời vận động giằng co đi ngang giữa 2 vùng cản, 946-950 ở trên và 931-934 ở dưới. Tín hiệu bứt phá vượt cận trên sẽ xác nhận cho khả năng quay lại xu hướng tăng của VNIndex và ngược lại, tín hiệu phá xuống cận dưới sẽ cho thấy kịch bản tiếp nối nhịp điều chỉnh ngắn hạn.
- NĐT được khuyến nghị tạm dừng lại quan sát, chỉ nâng tỷ trọng nếu VNIndex bứt phá thành công qua vùng cản trên.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 921 - 925

Kháng cự gần: 912 - 914

Hỗ trợ gần: 906 - 907

Hỗ trợ xa: 898 - 902

- F1 chịu áp lực rung lắc trong phiên trước khi hồi phục và lấy lại phần lớn số điểm đã mất về cuối phiên.
 - Trạng thái kỹ thuật không có nhiều thay đổi và chúng tôi cho rằng F1 sẽ tạm thời vận động giằng co đi ngang giữa 2 vùng cản, 921-925 ở trên và 898-902 ở dưới. Tín hiệu bứt phá vượt cận trên sẽ xác nhận cho khả năng quay lại xu hướng tăng và ngược lại, tín hiệu phá xuống cận dưới sẽ cho thấy kịch bản tiếp nối nhịp điều chỉnh.
 - Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch linh hoạt 2 chiều tại các vùng kháng cự/hỗ trợ nhưng bỏ qua các ngưỡng gần nếu bị xuyên thủng ngay đầu phiên.
 - Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời 1 phần vị thế SHORT đã mở khi về vùng hỗ trợ xa, nắm giữ phần còn lại nhưng cần STOP nếu chỉ số bứt phá thành công qua vùng cản xa.
- Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

KBSV danh mục đầu tư mẫu

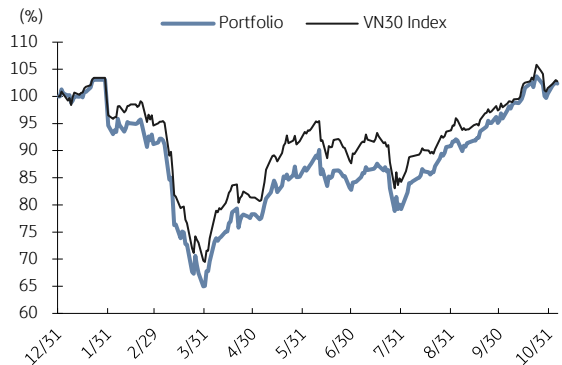
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.20%	-0.32%
Tăng lũy kế (YTD)	2.80%	2.33%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	106,800	0.0%	-7.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,300	0.7%	1.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,600	1.3%	-5.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	18,300	-0.8%	-7.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	41,800	-0.2%	22.9%	- Mạng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	52,000	-1.9%	35.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,250	-1.1%	24.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	105,700	0.2%	-18.2%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	30,250	-1.3%	29.0%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,900	0.0%	1.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	0.6%	13.8%	45.2
VNM	0.0%	58.0%	35.6
HSG	4.0%	9.7%	28.5
DGW	6.8%	27.7%	12.2
FUEVFNDD	-0.4%	99.9%	5.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	2.3%	34.7%	-58.2
VRE	-1.9%	30.0%	-43.8
HPG	0.5%	34.0%	-28.4
MBB	-1.6%	22.9%	-26.6
VPB	-0.8%	23.2%	-24.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.8%	7.8%	4.8
VCS	1.0%	2.9%	1.6
TNG	-0.8%	9.0%	0.7
BAX	-1.5%	3.5%	0.5
IDV	0.0%	16.0%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TXM	8.2%	16.3%	-4.6
HCT	4.4%	26.1%	-4.2
VCG	1.2%	0.2%	-0.2
NBC	0.0%	6.3%	-0.1
S99	-4.0%	0.5%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	6.0%	GVR, DPM
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.2%	PNJ, TCM
Dịch vụ tài chính	3.1%	HCM, VCI
Du lịch và Giải trí	2.7%	VJC, SCS
Bảo hiểm	2.5%	BVH, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-1.2%	PLX, PVD
Truyền thông	-0.2%	YEG, PNC
Bất động sản	-0.1%	VIC, VHM
Tài nguyên Cơ bản	0.3%	HPG, TTF
Ô tô và phụ tùng	0.4%	SVC, CSM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	9.7%	PNJ, RAL
Hóa chất	6.6%	GVR, DCM
Tài nguyên Cơ bản	5.7%	HPG, HSG
Bảo hiểm	4.5%	BVH, BIC
Thực phẩm và đồ uống	3.9%	MSN, VNM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	-6.6%	TCH, HHS
Truyền thông	-5.9%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.6%	GAS, POW
Dầu khí	-3.4%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-3.1%	APH, THI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND tỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	105,100	355,493 (15,338)	70,088 (3.0)	22.9	57.1	42.2	19.5	6.7	8.7	4.1	3.7	0.6	-1.3	14.5	-8.6
	VHM	VINHOMES JSC	75,700	249,016 (10,744)	181,624 (7.8)	27.1	9.3	8.0	35.1	38.2	31.8	2.9	2.2	0.0	-0.4	-0.5	-10.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	25,600	58,171 (2,510)	123,946 (5.3)	19.0	24.3	17.7	-2.7	8.3	11.5	2.0	1.9	-1.9	1.2	-6.9	-24.7
	NVL	NO VA LAND INVES	62,100	61,204 (2,641)	86,497 (3.7)	32.8	16.6	17.2	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.0	0.2	-1.9	4.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,600	13,747 (593)	21,839 (0.9)	8.7	12.6	10.5	14.9	14.1	15.6	1.6	1.4	-1.4	-1.6	-1.2	-4.0
	DXG	DAT XANH GROUP	12,600	6,530 (282)	68,276 (2.9)	12.9	14.5	6.0	-43.3	3.6	14.5	0.9	0.7	2.9	9.6	10.5	-13.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	85,000	315,255 (13,602)	74,412 (3.2)	6.4	19.3	16.7	10.7	19.4	18.5	3.2	2.7	0.0	2.4	1.3	-5.8
	BID	BANK FOR INVESTM	39,050	157,060 (6,777)	92,478 (4.0)	12.7	24.9	17.4	-5.3	9.3	11.8	1.9	1.7	0.0	1.4	-3.5	-15.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,600	75,603 (3,262)	560,391 (24.2)	0.0	7.3	6.3	4.1	15.5	15.4	1.1	0.9	-0.9	1.2	-3.6	-8.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	30,250	112,633 (4,860)	269,990 (11.6)	0.6	13.5	12.5	25.6	11.6	11.9	1.4	1.3	0.0	4.3	11.2	44.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	23,500	57,287 (2,472)	176,751 (7.6)	0.2	6.9	6.2	5.4	18.0	16.3	1.1	1.0	-0.8	-0.4	-2.7	17.5
	MBB	MILITARY COMMERC	18,000	49,917 (2,154)	117,867 (5.1)	0.1	6.6	5.7	9.5	18.2	17.5	1.1	0.9	-1.6	1.1	0.8	-0.5
	HDB	HDBANK	25,100	31,518 (1,360)	47,559 (2.1)	1.7	7.1	5.9	26.2	19.1	18.5	1.1	0.9	-0.4	3.7	1.6	18.4
	STB	SACOMBANK	13,350	24,079 (1,039)	226,061 (9.8)	14.4	12.6	9.7	16.4	10.4	9.2	0.9	0.8	0.0	0.4	-6.0	32.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	23,450	19,149 (826)	56,870 (2.5)	0.0	6.4	5.2	29.4	22.4	20.3	1.2	1.0	0.2	2.9	-6.6	11.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,300	21,269 (918)	5,985 (0.3)	0.0	37.2	35.7	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	0.6	0.6	-1.4	-2.8	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	52,000	38,601 (1,665)	65,716 (2.8)	20.6	31.7	26.7	2.5	6.3	7.7	2.0	1.9	-0.4	3.0	6.9	-24.2
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,750	2,444 (105)	5,662 (0.2)	14.5	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.0	-0.4	0.9	-5.6	7.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	17,150	10,306 (445)	82,675 (3.6)	50.0	11.6	10.6	-15.9	9.2	9.7	-	-	-0.6	0.3	-5.5	10.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	38,600	6,392 (276)	40,167 (1.7)	73.1	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	4.6	20.6	30.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	21,650	6,604 (285)	56,230 (2.4)	51.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.7	4.6	-1.6	1.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	15,750	3,284 (142)	19,614 (0.8)	16.1	-	-	-	-	-	-	-	0.3	6.4	2.3	9.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,800	227,353 (9,809)	179,374 (7.7)	42.0	22.2	20.3	6.5	37.4	37.8	7.8	7.1	0.0	0.7	1.7	12.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	184,100	118,060 (5,094)	19,846 (0.9)	36.9	27.7	23.5	1.8	22.3	25.0	5.8	5.1	-0.2	-0.1	-1.2	-19.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	89,900	105,604 (4,556)	336,857 (14.5)	14.3	121.3	45.8	-59.6	2.3	5.9	3.3	3.2	2.3	7.0	55.0	59.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	10,850	12,028 (519)	19,024 (0.8)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	-0.9	-10.0	-21.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	105,700	55,370 (2,389)	51,851 (2.2)	12.6	-	17.7	-91.0	0.0	20.3	3.8	3.4	0.0	4.4	1.1	-27.7
	GMD	GEMADEPT CORP	23,500	6,978 (301)	11,086 (0.5)	0.0	17.7	15.3	-53.6	6.6	7.4	1.2	1.1	0.4	0.2	-4.9	0.9
	CII	HO CHI MINH CITY	16,650	3,977 (172)	32,851 (1.4)	38.2	8.4	7.8	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	0.3	1.2	-12.4	-26.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,250	1,277 (055)	17,418 (0.8)	47.4	-	-	-	-	-	-	-	0.9	2.3	-3.4	-87.0
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,750	9,282 (400)	168,363 (7.3)	35.6	24.2	10.4	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.0	3.9	-16.7	2.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	56,800	4,333 (187)	75,731 (3.3)	2.7	6.9	7.5	-33.0	7.6	7.0	0.5	0.5	-0.4	0.7	-11.9	10.7
	REE	REE	41,900	12,991 (561)	17,124 (0.7)	0.0	8.3	7.0	-8.8	13.9	15.2	1.1	1.0	0.2	0.0	0.5	15.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	70,800	135,508 (5,847)	68,590 (3.0)	46.0	17.0	14.3	-13.6	16.8	18.4	2.7	2.5	-1.0	0.6	-2.3	-24.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,650	6,520 (281)	3,598 (0.2)	29.7	9.9	9.4	-6.3	15.9	17.1	1.6	1.5	0.2	-0.2	-3.8	4.6
	PPC	PHA LAI THERMAL	22,450	7,198 (311)	3,884 (0.2)	33.4	8.2	7.5	-11.7	15.2	15.8	1.2	1.1	-0.2	-0.7	-5.9	-16.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	30,400	100,724 (4,346)	502,174 (21.7)	15.0	9.4	7.7	11.6	20.3	20.4	1.8	1.5	0.5	-0.5	7.6	55.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,150	6,711 (290)	38,770 (1.7)	37.0	10.0	11.2	6.3	9.4	8.3	0.8	0.8	0.3	5.5	0.0	32.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,500	6,618 (286)	41,374 (1.8)	45.3	15.3	18.7	-14.4	7.6	6.2	-	-	0.0	5.0	4.2	92.3
	HSG	HOA SEN GROUP	16,850	7,486 (323)	182,716 (7.9)	39.4	9.1	8.2	71.2	13.3	12.2	-	-	4.0	12.3	7.0	126.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	11,000	2,439 (105)	14,778 (0.6)	97.7	5.9	6.7	39.3	13.3	10.5	0.6	0.5	0.0	0.9	-8.0	-9.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	48,300	58,869 (2,540)	14,674 (0.6)	4.0	49.2	16.6	-41.4	5.4	15.3	2.4	2.1	-0.8	-1.4	-3.8	-13.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,000	4,632 (200)	52,701 (2.3)	39.8	42.2	35.8	-14.7	0.9	1.2	0.3	0.3	0.0	1.4	-10.2	-26.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	13,800	3,884 (168)	28,788 (1.2)	31.6	8.3	7.5	-12.5	10.2	10.3	0.7	0.7	0.7	4.9	-3.8	-17.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	105,000	47,524 (2,050)	92,019 (4.0)	0.0	12.8	9.6	10.5	26.6	28.2	3.1	2.5	-1.7	0.3	-0.2	-7.9
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	73,300	16,502 (712)	78,571 (3.4)	0.1	18.6	15.3	-0.9	20.5	22.9	3.4	3.1	1.0	5.5	20.0	-14.8
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,800	1,401 (060)	1,532 (0.1)	69.5	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	1.1	-0.2	-5.9	21.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,250	1,757 (076)	10,978 (0.5)	13.5	14.9	10.5	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.1	-0.7	6.7	-9.0	5.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,100	7,737 (334)	47,769 (2.1)	36.7	7.9	7.3	24.4	35.7	31.2	2.6	2.2	0.5	3.6	-2.7	49.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,000	13,467 (581)	415 (0.0)	45.2	19.8	18.3	8.0	20.7	20.1	3.8	3.6	0.0	1.0	-1.7	12.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	71,000	5,326 (230)	163 (0.0)	29.9	15.1	-	7.3	16.4	-	2.5	-	1.3	2.5	2.2	30.8
IT	FPT	FPT CORP	52,400	41,077 (1,772)	120,551 (5.2)	0.0	12.0	10.4	19.1	22.7	23.5	2.4	2.2	0.8	1.7	3.8	3.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.